

Số: 253 /BC-UBND

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả lập Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030

Kính gửi: HĐND thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố về Kỳ họp thứ 15, HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X nhiệm kỳ 2021-2026, liên quan đến báo cáo kết quả lập khu vực phát triển đô thị (mục 5.12), Sở Xây dựng đã có Báo cáo số 4651/SXD-QHKT&PTĐT ngày 27/6/2024 báo cáo kết quả thẩm định, đề nghị phê duyệt Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030.

UBND thành phố báo cáo kết quả như sau:

I. CĂN CỨ LẬP HỒ SƠ

1. Cơ sở pháp lý

Điều 8, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị sửa đổi tại Nghị định 35/2023/NĐ-CP quy định trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị:

"Căn cứ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, chương trình phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định các khu vực phát triển đô thị theo thẩm quyền ..."

Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND thành phố về kết quả giám sát chuyên đề của HĐND thành phố về "Công tác triển khai đề án Quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" có giao nhiệm vụ "xác lập khu vực phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị".

Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 10/6/2021 của UBND thành phố triển khai Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó giao Sở Xây dựng chủ trì triển khai lập khu vực phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị.

2. Căn cứ lập hồ sơ

Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1000 S. EAST ASIAN AVENUE, CHICAGO, ILL. 60607

DATE: 11/15/84

TO: THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

FROM: THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

SUBJECT: THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

RE: THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các Quyết định của UBND thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung: Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 22/4/2023 của UBND thành phố Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (nội dung khu vực Cảng biển Liên Chiểu và Làng Vân); Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (nội dung phân bố dân số tại một số phân khu trên địa bàn quận Liên Chiểu và huyện Hòa Vang); Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND thành phố về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (nội dung phân bố dân số tại một số phân khu liên quan khu vực trung tâm thành phố, sân bay Đà Nẵng và dự án Phi thuế quan); Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (một số nội dung về sử dụng đất tại khu vực phân khu Ven sông Hàn và bờ Đông); Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (một số nội dung về sử dụng đất tại các phân khu: Công nghệ cao, Đô thị Sườn đồi, Đồi mới sáng tạo, Ven vịnh Đà Nẵng, Cảng biển Liên Chiểu, Trung tâm Lối xanh).

Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 – 2030.

Các Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố: Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân, tỉ lệ 1:2.000); Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Ven sông Hàn và bờ Đông, tỉ lệ 1:2.000; Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Đô thị huyện lỵ Hòa Vang, tỉ lệ 1:2.000; Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Sinh thái phía Tây – khu vực phường Hòa Hiệp Bắc, tỉ lệ 1:2.000; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Sân bay, tỉ lệ 1:2.000; Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 18/5/2024 của UBND thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Ven vịnh Đà Nẵng, tỉ lệ 1:2.000, Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 24/6/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Công nghệ cao (không bao gồm phần diện tích để triển khai dự án Công nghệ cao Đà Nẵng), tỷ lệ 1:2.000, Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 03/07/2024 của UBND thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Cảng biển Liên Chiểu, tỷ lệ

1:2.000, Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 03/07/2024 của UBND thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Đô thị Sườn đồi, tỷ lệ 1:2000.

Các đồ án quy hoạch phân khu đã thông qua Hội đồng thẩm định, báo cáo thẩm định, trình phê duyệt: Đổi mới sáng tạo, Trung tâm lõi xanh.

Các đồ án quy hoạch phân khu đang tổ chức lập: các phân khu thuộc khu vực sinh thái phía Đông, sinh thái phía Tây (phần còn lại).

Ý kiến các ngành: Công văn số 613/SVHTT-KHTC ngày 15/3/2024 của Sở Văn hóa và Thể thao; Công văn số 506/UBND-PQLĐT ngày 18/3/2024 của UBND quận Cẩm Lệ; Công văn số 662/SLĐT BXH-KHTC ngày 18/3/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Công văn số 1300/SGTVT-KH ngày 19/3/2024 của Sở Giao thông vận tải; Công văn số 765/SKHĐT-TH&HTQT ngày 22/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 1606/BCH-TM ngày 27/3/2024 của Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Công văn số 502/SDL-QLLH ngày 29/3/2024 của Sở Du lịch; Công văn số 676/UBND-TCKH ngày 01/4/2024 của UBND quận Thanh Khê; Công văn số 1225/CATP-PTM ngày 17/5/2024 của Công an Thành phố Đà Nẵng; Công văn số 1050/SCT-KHTCTH ngày 03/5/2024 của Sở Công Thương. Kèm theo bản tiếp thu, giải trình của tư vấn.

II. SỰ CẦN THIẾT, QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN, THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Quá trình thực hiện

- Ngày 24/11/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3023/QĐ-UBND phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí lập Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030.

- Ngày 23/8/2023, Sở Xây dựng ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký Hợp đồng tư vấn số 12/2023/HĐTV ngày 23/8/2023 với Trung tâm Thông tin, Hợp tác quốc tế và Tư vấn phát triển đô thị về việc lập Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030.

- Trên cơ sở dự thảo hồ sơ, Sở Xây dựng có Công văn số 9243/SXD-QHKT&PTĐT ngày 24/11/2023 lấy ý kiến các đơn vị; Tổ chức họp với đơn vị tư vấn, có Thông báo kết luận số 806/TB-SXD ngày 31/01/2024; có Công văn số 1581/SXD-QHKT&PTĐT ngày 12/3/2024 lấy ý kiến bổ sung đối với các Sở ngành.

- Ngày 17/04/2024, sau khi có ý kiến các ngành, Sở Xây dựng có Công văn số 2588/SXD-QHKT&PTĐT về việc hoàn chỉnh Hồ sơ; có Giấy mời số 3751/GM-SXD ngày 29/5/2024 đề nghị đơn vị tư vấn báo cáo kết quả Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 – 2030.

- Ngày 04/6/2024, đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ, trình thẩm định, phê duyệt.

- Ngày 04/6/2024, Sở Xây dựng có Công văn số 3938/SXD-QHKT&PTĐT lấy ý kiến thẩm định các sở ngành, địa phương có liên quan.

- Ngày 11/06/2024, Sở Xây dựng có Công văn số 4132/SXD-QHKT&PTĐT về việc thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 – 2030 (lần 2).

Ngày 25/6/2024, đơn vị tư vấn đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định, có Công văn số 47/CV-TVPTĐT hoàn chỉnh hồ sơ; Sở Xây dựng tổng hợp, có Báo cáo thẩm định trình UBND thành phố.

2. Danh mục hồ sơ trình

Danh mục Hồ sơ theo link đính kèm gồm các thành phần:

(<https://drive.google.com/drive/folders/13NMAQBHTPKsmo4mXur1O0qoi2il5e9ZL>)

- Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định.
- Báo cáo tóm tắt về khu vực phát triển đô thị dự kiến bao gồm:
 - + Tên khu vực phát triển đô thị;
 - + Địa điểm, ranh giới khu vực phát triển đô thị (có sơ đồ minh họa);
 - + Mô tả hiện trạng khu vực phát triển đô thị;
 - + Thuyết minh về cơ sở hình thành khu vực phát triển đô thị;
 - + Tính chất/các chức năng chính của khu vực;
 - + Giới thiệu nội dung cơ bản của quy hoạch chung đô thị được duyệt;
 - + Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị;
 - + Thời hạn thực hiện dự kiến;
 - + Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị;
 - + Đề xuất hình thức quản lý theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.”.
- Bản vẽ và Phụ lục kèm theo.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Khu vực phát triển đô thị

a) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Ven sông Hàn và Bờ Đông

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 02 khu vực

Khu vực VS.MR.01: Diện tích 214,63 ha.

Khu vực VS.MR.02: Diện tích 139,9 ha.

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 08 khu vực

Khu vực VS.CT.01: Diện tích 848,41 ha.

Khu vực VS.CT.02: Diện tích 1.205 ha.

Khu vực VS.CT.03: Diện tích 436,17 ha.

Khu vực VS.CT.04: Diện tích 700,1 ha.

Khu vực VS.CT.05: Diện tích 390,77 ha.

Khu vực VS.CT.06: Diện tích 386,65 ha.

Khu vực VS.CT.07: Diện tích 728,96 ha.

Khu vực VS.CT.08: Diện tích 698,34 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Bao gồm 03 khu vực

Khu vực VS.BT.01: Diện tích 6,05 ha.

Khu vực VS.BT.02: Diện tích 131,73 ha.

Khu vực VS.BT.03: Diện tích 2,03 ha.

+ Khu vực tái thiết đô thị: Bao gồm 02 khu vực

Khu vực VS.TT.01: Diện tích 1,62 ha.

Khu vực VS.TT.02: Diện tích 5,05 ha

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 03 khu vực

Khu vực VS.CB.01: Diện tích 37,03 ha.

Khu vực VS.CB.02: Diện tích 37,09 ha.

Khu vực VS.CB.03: Diện tích 8,68 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 696,37 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

b) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Ven vịnh Đà Nẵng

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 01 khu vực

Khu vực VV.MR.01: Diện tích 53,17 ha.

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 06 khu vực

Khu vực VV.CT.01: Diện tích 67,11 ha.

Khu vực VV.CT.02: Diện tích 309,64 ha.

Khu vực VV.CT.03: Diện tích 294,28 ha.

Khu vực VV.CT.04: Diện tích 345,56 ha.

Khu vực VV.CT.05: Diện tích 199,34 ha.

Khu vực VV.CT.06: Diện tích 136,47 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Bao gồm 02 khu vực

Khu vực VV.TT.01: Diện tích 80,5 ha.

Khu vực VV.TT.02: Diện tích 75,73 ha.

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Không có

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

c) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Cảng biển Liên Chiểu

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Bao gồm 02 khu vực

Khu vực CB.M.01: Diện tích 76,43 ha.

Khu vực CB.M.01: Diện tích 52,39 ha.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 01 khu vực

Khu vực CB.MR.01: Diện tích 94,36 ha

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 02 khu vực:

+ Khu vực CB.CT.01: Diện tích 55,92 ha.

+ Khu vực CB.CT.02: Diện tích 74,99 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 06 khu vực

Khu vực CB.CB.01: Diện tích 91,09 ha.

Khu vực CB.CB.02: Diện tích 97,33 ha.

Khu vực CB.CB.03: Diện tích 172,38 ha.

Khu vực CB.CB.04: Diện tích 76,71 ha.

Khu vực CB.CB.05: Diện tích 456,47 ha..

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 45,33 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên.

d) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Công nghệ cao

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực CNC.M.01: Diện tích 256,31 ha.

Khu vực CNC.M.02: Diện tích 583,79 ha.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Không có

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 07 khu vực:

Khu vực CNC.CT.01: Diện tích 481,31 ha.

Khu vực CNC.CT.02: Diện tích 458,42 ha.

Khu vực CNC.CT.03: Diện tích 314,11 ha.

Khu vực CNC.CT.04: Diện tích 155,36 ha.

Khu vực CNC.CT.05: Diện tích 193,91 ha.

Khu vực CNC.CT.06: Diện tích 310,62 ha.

Khu vực CNC.CT.07: Diện tích 901,63 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực CNC.CB.01: Diện tích 1.253,36 ha.

Khu vực CNC.CB.02: Diện tích 626,39 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 49,79 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý các dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp và công nghệ cao.

e) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Trung tâm lõi xanh

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực LX.MR.01: Diện tích 84,18 ha.

Khu vực LX.MR.02: Diện tích 111,88 ha.

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 05 khu vực:

Khu vực LX.CT.01: Diện tích 143,8 ha.

Khu vực LX.CT.02: Diện tích 351,89 ha.

Khu vực LX.CT.03: Diện tích 405,22 ha.

Khu vực LX.CT.04: Diện tích 179,96 ha.

Khu vực LX.CT.05: Diện tích 44,05 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 07 khu vực:

Khu vực LX.CB.01: Diện tích 166,77 ha.

Khu vực LX.CB.02: Diện tích 272,81 ha.

Khu vực LX.CB.03: Diện tích 1.185,79 ha.

Khu vực LX.CB.04: Diện tích 85,71 ha.

Khu vực LX.CB.05: Diện tích 393,05 ha.

Khu vực LX.CB.06: Diện tích 799,55 ha.

Khu vực LX.CB.07: Diện tích 187,54 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 349,18 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên.

g) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Đới mới sáng tạo

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực ST.MR.01: Diện tích 225,75 ha.

Khu vực ST.MR.02: Diện tích 188,89 ha.

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 05 khu vực:

Khu vực ST.CT.01: Diện tích 390,53 ha.

Khu vực ST.CT.02: Diện tích 238,38 ha.

Khu vực ST.CT.03: Diện tích 779,8 ha.

Khu vực ST.CT.04: Diện tích 757,04 ha.

Khu vực ST.CT.05: Diện tích 331,29 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 05 khu vực:

Khu vực ST.CB.01: Diện tích 351,86 ha.

Khu vực ST.CB.02: Diện tích 30,42 ha.

Khu vực ST.CB.03: Diện tích 129,2 ha.

Khu vực ST.CB.04: Diện tích 106,12 ha.

Khu vực ST.CB.05: Diện tích 138,52 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 105,7 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị.

h) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Sân bay

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng:

+ Khu vực cải tạo: Bao gồm 03 khu vực:

Khu vực SB.CT.01: Diện tích 98,46 ha.

Khu vực SB.CT.02: Diện tích 148,69 ha.

Khu vực SB.CT.03: Diện tích 271,55 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 01 khu vực:

Khu vực SB.CB.01: Diện tích 808 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

i) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu đô thị Suối đôi

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Bao gồm 07 khu vực:

Khu vực SĐ.M.01: Diện tích 193,75 ha.

Khu vực SĐ.M.02: Diện tích 103,71 ha.

Khu vực SĐ.M.03: Diện tích 42,91 ha.

Khu vực SĐ.M.04: Diện tích 220,38 ha.

Khu vực SĐ.M.05: Diện tích 235,25 ha.

Khu vực SĐ.M.06: Diện tích 276,76 ha.

Khu vực SĐ.M.07: Diện tích 91,71 ha.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Không có

+ Khu vực cải tạo

Bao gồm 01 khu vực:

+ Khu vực SĐ.CT.01: Diện tích 99,13 ha.

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 04 khu vực:

Khu vực SĐ.CB.01: Diện tích 202,53 ha.

Khu vực SĐ.CB.02: Diện tích 85,18 ha.

Khu vực SĐ.CB.03: Diện tích 1.106,81 ha.

Khu vực SĐ.CB.04: Diện tích 70,88 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý các dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp và công nghệ cao.

k) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Không có

+ Khu vực cải tạo: Không có

+ Khu vực bảo tồn : Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: gồm 1 khu vực.

Khu vực NN.CB.01: Diện tích 166,4 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 2.819,6 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

l) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu Dự trữ phát triển

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực DT.M.01: Diện tích 220,85 ha.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Không có

+ Khu vực cải tạo: Không có

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 03 khu vực:

Khu vực DT.CB.01: Diện tích 13,68 ha.

Khu vực DT.CB.02: Diện tích 13,5 ha.

Khu vực DT.CB.03: Diện tích 3,53 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 5.606,44 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị.

m) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu sinh thái phía Tây

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Bao gồm 04 khu vực:

Khu vực STT.M.01: Diện tích 25,08 ha.

Khu vực STT.M.02: Diện tích 15,02 ha.

Khu vực STT.M.03: Diện tích 41,76 ha.

Khu vực STT.M.04: Diện tích 24,81 ha.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 01 khu vực:

Khu vực STT.MR.01: Diện tích 180,9 ha.

+ Khu vực cải tạo: Không có

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 11 khu vực:

Khu vực STT.CB.01: Diện tích 562,58 ha.

Khu vực STT.CB.02: Diện tích 201,39 ha.

Khu vực STT.CB.03: Diện tích 328,42 ha.

Khu vực STT.CB.04: Diện tích 181,47 ha.

Khu vực STT.CB.05: Diện tích 296,37 ha.

Khu vực STT.CB.06: Diện tích 90,15 ha.

Khu vực STT.CB.07: Diện tích 164 ha.

Khu vực STT.CB.08: Diện tích 524,74 ha.

Khu vực STT.CB.09: Diện tích 6,05 ha.

Khu vực STT.CB.10: Diện tích 101,83 ha.

Khu vực STT.CB.11: Diện tích 358,85 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị: Có tổng diện tích là 54.588,58 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

n) Các khu vực phát triển đô thị thuộc Phân khu sinh thái phía Đông

- Tên các khu vực phát triển đô thị

+ Khu vực đô thị phát triển mới: Không có

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Bao gồm 04 khu vực:

Khu vực STD.MR.01: Diện tích 477,87 ha.

Khu vực STD.MR.02: Diện tích 93,9 ha.

Khu vực STD.MR.03: Diện tích 80,66 ha.

Khu vực STD.MR.04: Diện tích 50,56 ha.

+ Khu vực cải tạo: Không có

+ Khu vực bảo tồn: Không có

+ Khu vực tái thiết đô thị: Không có

+ Khu vực có chức năng chuyên biệt: Bao gồm 02 khu vực:

Khu vực STD.CB.01: Diện tích 419,93 ha.

Khu vực STD.CB.02: Diện tích 3181,28 ha.

+ Khu vực chưa phát triển đô thị (Huyện Hoàng Sa): Diện tích 30500,00 ha.

- Tên Ban quản lý khu vực phát triển đô thị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Địa điểm, ranh giới khu vực phát triển đô thị

Chi tiết theo bản vẽ, thuyết minh hồ sơ.

3. Thời gian dự kiến

Chi tiết theo thuyết minh hồ sơ.

4. Sơ bộ khái toán và các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị (chi tiết tại phụ lục dự án kèm theo)

- Sơ bộ khái toán: vốn thực hiện các dự án phát triển đô thị của các khu vực khoảng 35.963 tỷ đồng.

- Nguồn lực thực hiện: nguồn lực nhà nước, nguồn của các nhà đầu tư và nguồn vốn hợp pháp khác.

Chi tiết theo thuyết minh hồ sơ.

5. Tổ chức thực hiện

a) Các Ban quản lý các khu vực phát triển đô thị (tại mục III.1 nêu trên)

Căn cứ Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị được phê duyệt, xây dựng kế hoạch triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án theo phân kỳ ngắn hạn và trung hạn, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

Theo dõi giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong khu vực phát triển đô thị.

Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo, đề xuất các cơ quan chức năng xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư tại khu vực phát triển đô thị;

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị.

Đề xuất quy chế phối hợp giữa ban quản lý khu vực phát triển đô thị với các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế đặc thù áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách tổ chức triển khai nội dung khu vực phát triển đô thị được duyệt; chủ động phối hợp với Ban quản lý KVPTĐT xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp.

Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Khu vực phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030 và kế hoạch thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị; cung cấp thông tin và tạo điều kiện để các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án phát triển đô thị; Quản lý, giám sát, phối hợp trong việc triển khai kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị; định kỳ hàng năm rà soát, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố về tình hình triển khai khu vực phát triển đô thị

IV. KẾT LUẬN

Về nội dung, thành phần hồ sơ: đảm bảo quy định tại Điều 10 Nghị định số 11/2023/NĐ-CP; khoản 4 Điều 10 Thông tư số 06/2023/TT-BXD.

Về thẩm quyền: nội dung khu vực phát triển đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính của thành phố, không đề xuất khu vực có ý nghĩa quan trọng về an ninh - quốc phòng; theo đó, căn cứ Điều 9 Nghị định số 11/2023/NĐ-CP, hồ sơ thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.

UBND thành phố kính báo cáo HĐND thành phố kết quả triển khai thực hiện./SH

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP và các PVP;
- Lưu: VT, SXD, ĐTĐT.

12/11 + 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Nam